TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 280/2024/HC-PT Ngày: 24 /7/2024 *V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- - Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

- Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 137/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2023/HC-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1234/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn A, sinh năm 1967; Địa chỉ: Xóm C, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Tấn Đ, sinh năm 1947; Địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Trung C - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q; có mặt.

Địa chỉ: Số E P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng V - Chủ tịch UBND huyện T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tân Văn D - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

2. UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Trung D1 - Chủ tịch UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Năm 2001, cha ông Lê Văn A là ông Lê K cho ông thửa đất 333 và ông cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào thời điểm đó. Đến năm 2008 ông lập thủ tục tách thửa đất 333 thành 03 thửa:

- Thửa 1694, diện tích 1.411m^2, nay là thửa 311, diện tích 1.438m^2 của ông.

- Thửa đất 1695, diện tích 113m^2, nay là thửa 342, diện tích 115,4m^2 (ông Lê Văn A đã tặng cho chị là bà Lê Thị T1).

- Thửa 1696, diện tích 226m^2 của ông Lê Văn A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/2008, số phát hành: AL728063, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H.00742 (nay thuộc thửa 343, diện tích 167,7m^2 do chương trình VLAP ghi trên bản đồ năm 2010 và chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, diện tích 226m^2 của ông có giới cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất 310 của bà Lê Thị T2; Phía Nam giáp thửa đất 382 của ông Lê Đ1; Phía Tây giáp đường cái đi liên thông; Phía Bắc: giáp thửa đất 342 của bà Lê Thị T1.

Theo bản đo vẽ năm 1993 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, diện tích 226m^2 không có đoạn đường cụt trên thửa đất 1696 của ông. Đến năm 2010, bà Lê Thị H và Lê Thị T2, địa chỉ xóm C, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi làm nhà thờ trên thửa đất 334 (nay thuộc thửa 310, diện tích 1.229,6m^2 của bà T2).

Vì không có đường vận chuyển vật liệu đến thửa đất của bà T2 để xây dựng nhà thờ cho 02 bà, lúc này bà T2 và bà H đã đến gia đình ông để xin vợ chồng ông cho 02 bà chở vật liệu đi ngang qua thửa đất 1696 của ông cho thuận tiện việc chuyên chở vật liệu của 02 bà. Vì tình nghĩa bà con họ hàng nên vợ chồng ông đồng ý. Cũng vào năm 2010 chương trình VLAP thực hiện việc đo đạc tổng thể diện tích đất đai trên địa bàn huyện T, nhưng không có người dẫn đạc, lúc này ở phía Nam thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 của ông có đoạn đường cụt mà vợ chồng ông đã đồng ý cho bà T2, bà H mượn đi tạm để chuyên chở vật liệu đến thửa đất của bà T2 để xây dựng nhà thờ cho 02 bà mà ông Lê Văn A đã nêu trên. Nhưng khi đo đạc, chương trình VLAP lại ngộ nhận có đoạn đường cụt đi trên thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Văn A nên đo vẽ bản đồ 2010 thể hiện có đoạn đường cụt này từ thửa đất 1696 của ông Lê Văn A dẫn đến thửa đất 310 của bà T2 mà thôi, chứ không dẫn đến thửa đất 1025 của bà H. Mặt khác, phía Nam thửa đất 1696 là thửa đất 382, tờ bản đồ số 3 của ông Lê Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/2020. Giữa thửa đất 382 của ông Lê Đ1 với thửa đất 1696 của ông vẫn không có đoạn đường cụt này (có sơ đồ bản vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Đ1 đã thể hiện rõ ràng). Đến năm 2019, bà Lê Thị H xây dựng nhà ở cho con là Huỳnh Văn T3 trên thửa đất 1025 của bà, liền kề với thửa đất 310 của bà T2. Thấy đoạn đường cụt từ thửa đất 1696 của ông nối liền thửa đất 310 của bà T2, bà H tự ý đắp đoạn đường trên thửa đất 1025 của bà nối liền đoạn đường cụt có sẵn tại thửa đất của ông và của bà T2 để gia đình bà H đi lại được thuận tiện hơn. Từ đó nhân dân quanh vùng đi theo con đường này để ra đồng canh tác, đã xâm phạm đến diện tích đất vườn của ông là 58,3m^2 từ năm 2010 đến nay.

Như vậy vào năm 2010 chương trình VLAP đo đạc lại thửa đất 1696 của ông chỉ còn 167,7m^2, mất 58,3m^2.

Trường hợp Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q hay UBND huyện T lấy đất vườn của ông làm đường cái đi cho nhân dân qua lại, thì phải có Quyết định thu hồi đất và phải bồi thường thiệt hại về diện tích đất đã làm đường cho gia đình ông là 58,3m^2. Mặc khác, từ trước năm 2010 gia đình bà H, bà T2 đã có con đường đi lại về phía Đông thửa đất 1025 của bà H, mãi đến nay con đường này vẫn còn tồn tại và 02 bà đang sử dụng.

Tóm lại, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q đã ngang nhiên lấy đất vườn của ông để làm đường cái đi cho nhân dân qua lại mà không có Quyết định thu hồi đất và bồi thường thiệt hại cho gia đình ông, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của ông.

Do đó, ngày 23/8/2022, ông Lê Văn A rào đoạn đường cụt này lại không cho người nào qua lại, đến ngày 06/9/2022 bà H và chồng con của bà H, con rể bà T2 cùng một số người khác do bà H thuê mướn đến tháo dỡ bờ rào của ông, liền lúc đó ông đã kịp thời báo cáo với UBND xã N và Công an xã N đến hiện trường để ngăn cản hành vi cản trở trái pháp luật đối với bà H và những người trên,

nhưng UBND xã N và Công an xã N không đến hiện trường xem xét và lập biên bản xảy ra vụ việc. Đến ngày 29/8/2022, các ông bà có tên sau đây là: H, Huỳnh Văn T3, Lê Thị H, Trần Thị L có đơn khiếu nại lấn chiếm lối đi chung có cùng nội dung như nhau gửi UBND xã N cụ thể là: "Vào ngày 23/8/2022 ông Lê Văn A ngụ tại xóm C, thôn H, xã N đã tự ý rào chắn hàng rào trên con đường đi lại vào nhà tôi". Điều này cho thấy: Ông Hà Thái L1 là người cư trú tại thôn T, xã N và bà Lê Thị H từ trước tới nay không đi con đường này mà trong đơn khiếu nại cho rằng ông A rào chắn hàng rào không cho đi lại vào nhà ông là điều không thực tế, chỉ vu khống mà thôi. Hiện nay ông Lê Văn A vẫn giữ nguyên hiện trường do bà H và một số người khác đã tháo dỡ bờ rào của ông.

Nên ông Lê Văn A đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Hủy một phần bản đồ địa chính của UBND xã N, huyện T đo vẽ năm 2010 đối với thửa đất 343, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,7m^2, loại đất BHK được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 23/11/2011.

Ngày 07/11/2023, ông Lê Văn A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q về việc lập, phê duyệt bản đồ địa chính đo vẽ năm 2010 của xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ đo đạc lại bản đồ địa chính thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Lê Văn A làm chủ quyền (không bao gồm đoạn đường cụt trên thửa đất 1696) để điều chỉnh lại bản đồ đo vẽ năm 2010 đúng với bản đồ đo vẽ năm 1993 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Văn A, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 226m^2 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 17/7/2008 theo đúng quy định của pháp luật.

**** Ý kiến của người bị kiện,*** Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q***:***

Tại Văn bản số 3061/STNMT-VPĐKĐ ngày 14/6/2023, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q *trình bày:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện T cấp ngày 17/7/2008 cho ông Lê Văn A thuộc thửa đất số 1696, tờ bản đồ số 5 (bản đồ đo vẽ năm 1993), xã N, huyện T, theo bản đồ đo vẽ năm 2010 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định là thửa đất số 343, tờ bản đồ số 3. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính thửa đất số 1696, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Văn A sử dụng chưa cấp đổi theo bản đồ đo vẽ năm 2010.

Việc ông Lê Văn A yêu cầu hủy một phần bản đồ địa chính của xã N, huyện T đo vẽ năm 2010 đối với thửa đất số 343, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,7m^2, loại đất BHK do Sở T thẩm định ngày 23/11/2011 là không có căn cứ.

Vì bản đồ địa chính được đo vẽ xác lập trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất lúc bấy giờ, không có quy định nào hủy bản đồ.

Trong trường hợp bản đồ nêu trên đo, xác lập chưa đúng với hiện trạng sử dụng đất của ông Lê Văn A thì sẽ được điều chỉnh lại hồ sơ địa chính (trong đó có chỉnh lý lại bản đồ). Khi người dân có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành đo đạc theo đúng hiện trạng sử dụng đất.

Tại Văn bản số 7042/STNMT-VPĐKĐ ngày 15/12/2023, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q *trình bày:* Việc đo đạc lại bản đồ địa chính được thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6, Phần I Quy định chung của Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10.000 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 của Bộ Trưởng Bộ T4. Theo đó, bản đồ thể hiện hiện trạng sử dụng đất, ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng (loại đất) của thửa đất thể hiện trên bản đồ địa chính được xác định theo hiện trạng sử dụng đất. Đối chiếu với Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT nêu trên thì không quy định ban hành quyết định phê duyệt khi đo đạc lại bản đồ địa chính.

Do đó, kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết theo quy định.

**** Tại Văn bản số 1396/UBND ngày 11/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*** UBND huyện T ***trình bày:***

Huyện T được đo đạc thành lập bản đồ địa chính từ năm 1993. Đến năm 2010, thực hiện Dự án hoàn thiện và H1 (Dự án VLAP) huyện T được đo đạc, lập bản đồ địa chính; trong đó, tờ bản đồ số 3, xã N được Sở T ký phê duyệt ngày 23/11/2011. Hiện nay, bản đồ này là cơ sở để thực hiện việc quản lý nhà nước về đất đai. Việc ông Lê Văn A yêu cầu hủy một phần Bản đồ địa chính của xã N, kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

**** Tại Văn bản số 365/UBND ngày 15/9/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*** UBND xã N ***trình bày:***

Về nguồn gốc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 3 (đo vẽ năm 2010), diện tích 167,7m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác. Tham chiếu bản đồ đo vẽ năm 1993 thửa đất trên nằm trong một phần thửa đất số 333, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.750m^2, mục đích sử dung: Đất ở tại nông thôn. Theo hồ sơ địa chính thửa đất số 333, tờ bản đồ số 5 (1993) là của ông Lê Văn A.

Tham chiếu bản đồ đo vẽ năm 1993 thì cạnh phía Nam thửa đất 343, tờ bản đồ số 3 của ông Lê Văn A không thể hiện đường đi. Tuy nhiên, theo bản đồ đo vẽ năm 2010 thì có thể hiện đường đi ở cạnh phía nam thửa đất. Bên cạnh đó tổ xác minh của UBND xã N có mời các hộ sống lâu năm và liên tục ở địa phương thì xác nhận con đường trên đã có từ năm 1976.

Việc ông Lê Văn A yêu cầu hủy một phần bản đồ địa chính của xã N vẽ năm 2010 là không có cơ sở.

** Ý kiến của ông* Thiều Quang V1 - *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn A đối với thửa đất số 1696, tờ bản đồ số 5, xã N không có con đường đi phía Nam vào nhà bà T2, bà H. Con đường này xuất phát từ việc ông Lê Văn A cho bà T2, bà H mượn chở vật liệu xây dựng nhà thờ vào năm 2010 nên khi thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính theo chương trình dự án VLAP năm 2010; con đường được hình thành và làm mất đi của ông Lê Văn A 58,3m^2. Điều này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2023/HC-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q về việc lập, phê duyệt bản đồ địa chính đo vẽ năm 2010 của xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ đo đạc lại bản đồ địa chính thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Lê Văn A làm chủ quyền (không bao gồm đoạn đường cụt trên thửa đất 1696) để điều chỉnh lại bản đồ đo vẽ năm 2010 đúng với bản đồ đo vẽ năm 1993 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Văn A, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 226m^2 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 17/7/2008 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2024 ông Lê Văn A kháng cáo không chấp nhận toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị bác kháng cáo của ông Lê Văn A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn A; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về hồ sơ địa chính của thửa đất: Thửa đất số 343, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,7m^2 (bản đồ đo vẽ năm 2010), xã N theo bản đồ đo vẽ năm 1993 thuộc thửa đất số 333, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.750m^2. Ngày 24/12/2001, thửa đất số 333, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.750m^2 được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn A.

Ngày 26/6/2008, ông Lê Văn A có đơn xin tách thửa đất trên thành 03 thửa gồm: Thửa đất 1694/1411m^2, thửa đất số 1695/113m^2 và thửa đất số 1696/226m^2. Ngày 17/7/2008, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn A đối với 03 thửa đất trên.

Năm 2010, thực hiện Dự án đo đạc bản đồ địa chính (VLAP) trên địa bàn xã N, thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 được đo đạc thành thửa đất 343, tờ bản đồ số 3, xã N.

[1.2] Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 17/7/2008 cho ông Lê Văn A đối với thửa đất số 1696, cạnh phía Nam của thửa đất không thể hiện đường đi. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của UBND xã N đối với một số người dân sống lâu năm và liên tục ở địa phương đều xác nhận con đường trên đã có từ năm 1976, nguyên trưởng thôn xã N (giai đoạn 2014-2022) cũng khẳng định con đường này đã hình thành từ lâu, tuy nhiên trước kia con đường rất nhỏ, sau này thì mở rộng hơn.

[1.3] Mặt khác, theo UBND xã N, con đường này hiện nay có 06 hộ dân đang sử dụng để đi vào nhà. Ngoài con đường này, hiện phía Đông của nhà các hộ dân có con đường nhỏ, bùn lầy, ngập nước nên đi lại khó khăn. Theo bản đồ đo vẽ năm 1993, phía Đông thửa đất 334 và 335 cũng không có con đường đi như ông Lê Văn A trình bày.

[1.4] Hơn nữa, theo ông Lê Văn A, vào năm 2010, gia đình ông có cho bà Lê Thị H và bà Lê Thị Trọng m con đường để vận chuyển vật xây dựng nhà thờ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn A và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn A đều thừa nhận vào năm 2010, phía Nam thửa đất 1696 đang có con đường đi vào thửa đất của bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị H. Như vậy, tại thời điểm chương trình VLAP thực hiện việc đo đạc tổng thể diện tích đất đai trên địa bàn huyện T vào năm 2010; cạnh phía Nam thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Văn A đang có con đường theo hiện trạng. Do đó, việc bản đồ đo vẽ năm 2010 được thực hiện theo chương trình VLAP thể hiện phía Nam của thửa đất số 343, tờ bản đồ số 5, xã N có đường đi là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 phần I Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 của Bộ T4:*"6. Bản đồ địa chính: là bản đồ thể hiện trọn các thửa đất và các đối tượng chiếm đất nhưng không tạo thành thửa đất, các yếu tố quy hoạch đã được duyệt, các yếu tố địa lý có liên quan; lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, được cơ quan thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh xác nhận.*

Ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng (loại đất) của thửa đất thể hiện trên bản đồ địa chính được xác định theo hiện trạng sử dụng đất".

[1.5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông A là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông A không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Do kháng cáo của ông Lê Văn A không được chấp nhận theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông A phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 19 Luật Đất đai năm 2003, Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 của Bộ T4 *ban hành Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của Ông Lê Văn A và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 63/2023/HC-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q về việc lập, phê duyệt bản đồ địa chính đo vẽ năm 2010 của xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ đo đạc lại bản đồ địa chính thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Lê Văn A làm chủ quyền (không bao gồm đoạn đường cụt trên thửa đất 1696) để điều chỉnh lại bản đồ đo vẽ năm 2010 đúng với bản đồ đo vẽ năm 1993 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1696, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Văn A, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 226m^2 do UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 17/7/2008 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ xong theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002220 ngày 05/2/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, ông A đã nộp xong.

3. Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Thường